

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ C
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2022/DS-ST
Ngày: 21-6-2022
V/v Tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C, TỈNH ĐỒNG THÁP**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Cẩm Hùng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Phú Hữu
2. Ông Huỳnh Văn Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2022/TLST-DS ngày 12 tháng 01 năm 2022, về việc “Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2022/QĐST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Bà Nguyễn Kim A, sinh năm 1955.
Địa chỉ: Số 66/1, đường LL, Tổ 51, Khóm B, Phường H, thành phố C, Đồng Tháp.

2. ***Bị đơn:*** Chị Nguyễn Thị Kim H1, sinh năm 1970.
Địa chỉ: Số 33, Tổ 11, Khóm H2, Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.
(Bà A có mặt, chị H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/11/2021, đơn tường trình đề ngày 19/4/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Kim A trình bày:

Do có mối quan hệ quen biết nên vào khoảng tháng 5 đến tháng 6 năm 2020, bà Nguyễn Kim A có cho chị Nguyễn Thị Kim H1 vay tiền nhiều lần với

tổng số tiền 28.500.000đ, mục đích vay để cho người khác vay lại. Do chị H1 không thực hiện việc trả nợ nên đến ngày 01/3/2021, bà A và chị H1 tiến hành tổng kết số tiền chị H1 còn nợ bà A là 28.500.000đ, bà A viết sẵn biên nhận, chị H1 là người ký tên vào biên nhận xác nhận nợ bà A số tiền 28.500.000đ và chị H1 cam kết mỗi tháng trả góp 2.000.000đ cho đến khi hết nợ. Do chị H1 làm nghề bán bánh hời tại chợ nên trong biên nhận ghi người mượn nợ là “H1 bánh hời”. Chị H1 có đưa cho bà A bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 689281, cấp cho chị Nguyễn Thị Kim H1, cùng sử dụng đất với bà Nguyễn Phương Y, Nguyễn Thị S1, Phùng Ngọc Diễm K, diện tích 355,6m², thửa 11033, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp để nhờ bà A giới thiệu người để chị H1 bán đất trả nợ. Bà A đã nhiều lần yêu cầu chị H1 trả nợ nhưng chị H1 cứ hứa hẹn mà không thực hiện và cố tình né tránh.

Nay bà A khởi kiện yêu cầu chị H1 trả số tiền vốn vay là 28.500.000đ, không yêu cầu tính lãi, ngoài ra bà A không còn yêu cầu nào khác.

Đối với bị đơn Nguyễn Thị Kim H1: Tòa án nhân dân thành phố C đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị H1 nhưng chị H1 không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ án, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì liên quan đến vụ án, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, những người tham gia tố tụng và người tham gia tố tụng khác: Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Những người tham gia tố tụng và người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

Về nội dung vụ án:

Căn cứ Điều 463, Điều 466 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 28.500.000đ.

Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn trả số tiền vốn vay là 28.500.000đ, không yêu cầu tính lãi, ngoài ra nguyên đơn và bị đơn cũng không có yêu cầu nào khác nên quan hệ pháp

luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn Chị Nguyễn Thị Kim H1 có địa chỉ tại Số 33, Tổ 11, Khóm H2, Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với chị Nguyễn Thị Kim H1 nhưng chị Nguyễn Thị Kim H1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với việc bà Nguyễn Kim A yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị Kim H1 trả số tiền vốn vay 28.500.000đ:

Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 21/6/2022, bà A xác nhận từ khoảng tháng 5 đến tháng 6 năm 2020, bà A có cho chị H1 vay tiền nhiều lần, mục đích vay là để cho người khác vay lại. Do chị H1 không thực hiện việc trả nợ nên đến ngày 01/3/2021, hai bên tiến hành tổng kết nợ, thống nhất số tiền chị H1 nợ bà A là 28.500.000đ, trong biên nhận ghi là tiền nợ cũ.

Căn cứ biên nhận do bà Nguyễn Kim A cũng cấp thể hiện nội dung Hoa bán bánh hủi có mượn của dì Kim Ái số tiền viết bằng số 28.500.000đ, số tiền viết bằng chữ Hai mươi tám triệu năm trăm (tiền nợ cũ). Bà A xác định biên nhận là do bà A viết, chữ ký và chữ viết họ tên Nguyễn Thị Kim H1 trong biên nhận là của chị Hoa, việc biên nhận ghi tên người mượn là Hoa bán bánh hủi do chị H1 bán bánh hủi tại Phường 2, thành phố C. Hội đồng xét xử nhận định, dù biên nhận ghi tên người mượn là H1 bán bánh hủi nhưng chữ ký và chữ viết họ tên người mượn ghi rõ là Nguyễn Thị Kim H1. Theo kết quả xác minh số 15/CAP của Công an Phường S, thành phố C thì chị Nguyễn Thị Kim H1 có đăng ký thường trú tại Số 33, TVH, Tổ 11, Khóm H2, Phường S, thành phố C, chị H1 không có tên thường gọi là H1 bán bánh hủi nhưng chị H1 là vợ của anh Lê Thành T, còn được gọi là T bán bánh hủi vì T bán bánh hủi tại chợ Phường 2, thành phố C nên lời trình bày của bà A về việc ghi tên người mượn H1 bán bánh hủi là phù hợp.

Đối với bị đơn Nguyễn Thị Kim H1 đã được Tòa án tổng đạt trực tiếp thông báo thụ lý vụ án. Tuy nhiên, từ khi nhận được thông báo thụ lý vụ án cho đến nay chị H1 không cung cấp cho Tòa án văn bản ý kiến hay tài liệu chứng cứ thể hiện việc phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 91 BLTTDS năm 2015 cũng quy định: *“Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.”*

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định có cơ sở xác định chị H1 còn nợ bà Nguyễn Kim A số tiền 28.500.000đ là có thật và việc chị H1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều

466 Bộ luật Dân sự. Việc bà Nguyễn Kim A yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim H1 trả số tiền 28.500.000đ là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A, buộc chị H1 trả cho bà A số tiền 28.500.000đ.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 689281, cấp cho chị Nguyễn Thị Kim H1, cùng sử dụng đất với bà Nguyễn Phương Y, Nguyễn Thị S1, Phùng Ngọc Diễm K, diện tích 355,6m², thửa 11033, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại Phường S, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, chị H1 đưa bản photo cho bà A tìm người chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất nêu trên để lấy tiền trả nợ cho bà A. Bà Ái xác nhận không có yêu cầu gì đối với quyền sử dụng đất thửa đất nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.2] Về lãi suất: Nguyên đơn Nguyễn Kim A không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 28.500.000đ là có căn cứ và phù hợp như đã nhận định nêu trên nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Kim A nên bị đơn Nguyễn Thị Kim H1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 1.425.000đ theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim A về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị Kim H1 trả số tiền vốn vay với số tiền 28.500.000đ (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng), không yêu cầu tính lãi.

Buộc chị Nguyễn Thị Kim H1 có nghĩa vụ phải trả cho bà Nguyễn Kim A số tiền là 28.500.000đ (Hai mươi tám triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Kim H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 1.425.000đ (Một triệu bốn trăm hai mươi lăm nghìn đồng).

Bà Nguyễn Kim A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 713.000đ (Bảy trăm mười ba nghìn đồng) theo biên lai số 0005357 ngày 06/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND TPCL;
- TAND Tỉnh;
- Lưu: hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đoàn Thị Cẩm Hùng